TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **205**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/05/2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **H**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn T H**

Bà **T**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị H T-** Thư ký Toà án nhân dân quận T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên toà: Bà **Đào Thị Mai Phương -** Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXX-ST ngày 26/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn T T, sinh năm 1973

CMND/CCCD số: 03007300**** do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 06/8/2014;

Nơi ĐKHKTT: Tổ **, phường Đ H, quận H A , thành phố H P; Nơi ở hiện nay: Phòng **** chung cư V, số ** Nguyễn Trãi, phường K T, quận T, thành phố Hà Nội;

(Anh T có mặt tại phiên toà).

Bị đơn: Chị Đặng Thị H A , sinh năm 1986

CMND/CCCD số: 04018600**** do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 26/6/2022;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Phòng **** chung cư V, số ** Nguyễn Trãi, phường K T, quận T, thành phố Hà Nội;

(Chị H A có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn xin ly hôn, các Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là anh Nguyễn T T trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Đặng Thị H A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường T P, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại căn hộ chung cư số 311-CT01 khu nhà ở cán bộ Viện 103. Ngày 24/9/2020 chuyển đến ở căn hộ số ** Nguyễn Trãi, phường K T, quận T, Hà Nội. Quá trình hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do giữa hai vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, hôn nhân rạn nứt, hai vợ chồng đã cố gắng tự giải quyết và hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh chị chính thức ly thân từ tháng 07/2022. Anh T làm đơn xin ly hôn chị H A và đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị H A với lý do tình cảm không còn, anh chị đã tìm nhiều biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng bản thân anh thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được, nên anh làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H A .

- Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị H A có 01 con chung là cháu Nguyễn T H, sinh ngày 02/11/2019. Hiện cháu H đang sống cùng anh chị. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H A cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị H A nuôi con chung, anh T tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/01 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Hiện anh T đang làm việc tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, mức lương là 9.401.008 đồng/01 tháng và đang có hai người phụ thuộc là mẹ Phạm Thị Lương, sinh năm 1940 và con Nguyễn Ngô T Nguyên, sinh năm 2008.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nhà ở, tài sản chung và nợ chung .

- Về các vấn đề khác: Anh T không yêu cầu vấn đề gì khác.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đặng Thị H A trình bày:

- Về tình cảm: Chị Đặng Thị H A và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện,

có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc tại căn hộ chung cư số 311-CT01 khu nhà ở cán bộ Viện 103. Ngày 24/9/2020 chuyển đến ở căn hộ số ** Nguyễn Trãi, phường K T, quận T, Hà Nội. Tình trạng hôn nhân của anh chị ổn định, vợ chồng không cãi nhau và vẫn chung sống cùng nhà. Nay anh T xin ly hôn, chị T không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh T.

- Về con chung: Chị H A và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn T H, sinh ngày 02/11/2019. Hiện cháu H đang sống cùng anh chị. Trường hợp nếu phải ly hôn, chị H A có nguyện vọng nuôi con chung là cháu H và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ/01 tháng (Bốn triệu đồng/01 tháng), kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Chị và anh T có đứng tên chung 01 căn hộ **** tại chung cư VNT, số ** Nguyễn Trãi, phường K T, quận T, thành phố Hà Nội. Trong vụ án xin ly hôn này chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Về các vấn đề khác: Chị H A không yêu cầu vấn đề gì khác.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu như sau: Về tình cảm: Anh giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị H A. Về con chung: Anh có nguyện vọng nuôi con chung, nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị H A cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị H A được nuôi con chung, anh đồng ý cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Anh chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Chị H A vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại các buổi làm việc tại Toà án. Về tình cảm: Chị xác định tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng vì con còn nhỏ do đó chị không muốn ly hôn với anh T, chị không muốn cuộc sống của con bị xáo trộn. Về con chung: Chị có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng 4.000.000 đồng/01 tháng. Về tài sản chung, nhà ở và vay nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Anh T chịu án phí theo quy định. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ

án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T T và chị Đặng Thị H A kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 07/05/2019 là hôn nhân hợp pháp. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Anh chị ly thân từ tháng 07/2022. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H A , chị H A cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm nhưng chị không đồng ý ly hôn vì muốn cuộc sống của con không bị xáo trộn. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn T H, sinh ngày 02/11/2019, hiện cháu đang còn nhỏ sống cùng anh chị. Trường hợp phải ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu H, với lương và thu nhập của chị khoảng 5.000.000 đồng/01 tháng, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đ/01 tháng (Bốn triệu đồng/01 tháng). Anh T có ý kiến nếu chị H A nuôi Cháu H, anh tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng. Hiện lương và thu nhập của anh khoảng hơn 9.000.000 đồng/01 tháng, nhưng anh phải cấp dưỡng nuôi 01 con riêng. Trường hợp anh được nuôi Cháu H thì anh không yêu cầu chị H A cấp dưỡng nuôi con chung. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, anh T được ly hôn với chị H A . Về con chung: Giao cháu Nguyễn T H, sinh ngày 02/11/2019 cho mẹ là chị Đặng Thị H A chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn T T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đặng Thị H A là 3.000.000 đồng/01 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) và vay nợ chung: Anh T và chị H A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn T T xin ly hôn đối với chị Đặng Thị H A là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Đặng Thị H A , nơi đăng ký tạm trú và nơi ở hiện nay: Phòng 1605 chung cư VNT, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn T T đối với chị Đặng Thị H A thấy:

Anh Nguyễn T T và chị Đặng Thị H A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2019, tại UBND phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, và anh chị đã sống ly thân năm 2022, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống khác biệt, vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, thường nảy sinh nhiều bất đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhiều lần đối với anh T, chị H A , nhưng không thành. Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị H A . Chị H A trong quá trình giải quyết vụ án chị và anh T không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm nhưng chị H A vẫn mong muốn được hàn gắn tình cảm với anh T. Chị cũng biết anh T làm đơn xin ly hôn với chị, nhưng chị vẫn mong anh T suy nghĩ để cuộc sống của con không bị xáo trộn.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử phân tích, khuyên giải anh T, nhưng anh T vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với chị H A . Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, nhưng từ thời gian đó đến nay cuộc sống vợ chồng không thể cải thiện gây cho anh áp lực, mệt mỏi, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh T và chị H A có cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau. Hiện nay, anh T và chị H A không chia sẻ tình cảm với nhau, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình là: thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc tốt đẹp đã không thể thực hiện được. Như vậy, đủ cơ sở thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn T T và chị Đặng Thị H A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, giải quyết cho anh T được ly hôn chị H A .

Về con chung: Anh Nguyễn T T và chị Đặng Thị H A xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn T H, sinh ngày 02/11/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh chị. Xét thấy, do Cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dạy của mẹ. Mặt khác chị H A cũng có thời gian, khả năng nuôi cháu, nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn T H cho mẹ là chị H A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo được sự phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nhận thấy anh Nguyễn T T với lương hơn 9.000.000 đồng/01 tháng, tính cả thu nhập khác khoảng 12.000.000 đồng/01 tháng, hiện anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 con riêng. Chị H A tổng lương, thu nhập khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000 đồng/01tháng. Do đó, khi xét về lương, thu nhập của anh T, chị H A , Hội đồng xét xử thấy tại phiên toà anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đặng Thị H A là 3.000.000 đồng/01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Anh T, chị H A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về những vấn đề khác: Anh T, chị H A không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Anh T là nguyên đơn, phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn T T đối với chị Đặng Thị H A . Anh Nguyễn T T được ly hôn chị Đặng Thị H A .

2. Về con chung: Anh Nguyễn T T và chị Đặng Thị H A có 01 con chung là cháu Nguyễn T H, sinh ngày 02/11/2019. Giao cháu Nguyễn T H cho chị H A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đặng Thị H A là 3.000.000 đồng/01 tháng (Ba triệu đồng/01 tháng), tính từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Anh Nguyễn T T, chị Đặng Thị H A không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn T T, chị Đặng Thị H A không có yêu cầu gì khác.

5. Về án phí: Anh Nguyễn T T chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số: AA/2020/0008670 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Ngoài ra anh T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt anh T, chị H A . Anh T, chị H A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- UBND phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội (ĐKKH số 32/2019, ngày 07/5/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

H